Phụ lục 68
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ PHÚ TÂN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 14, 18, 30, 32, 33, 39, 47, 49, 49, 50 Phụ lục 68 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL68 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	14	Đường Trần Văn Thành: Từ ngã 3 giáp đường Tôn Đức Thắng - ngã 3 giáp đường tỉnh 951	3.400	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Trần Văn Thành: Từ ngã 3 giáp đường Tôn Đức Thắng - ngã 3 giáp đường tỉnh 954)
2	18	Đường tỉnh 951: Từ ngã 4 bến xe huyện (cũ) - Cầu Chín Mi	2.000	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường tỉnh 954: Từ ngã 4 bến xe huyện (cũ) - Cầu Chín Mi)
*	*	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường tỉnh 951		Sửa tên đường (Tên cũ: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường tỉnh 954)
3	32	CDC Bắc Cái Đầm (Trừ nền mặt tiền giáp đường tỉnh 951)	1.000	Sửa tên đường (Tên cũ: CDC Bắc Cái Đầm (Trừ nền mặt tiền giáp đường tỉnh 954))

TT	Số TT PL68 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
4	33	CDC Tân Hòa (Trừ nền mặt tiền giáp đường tỉnh 951)	813	Sửa tên đường (Tên cũ: CDC Tân Hòa (Trừ nền mặt tiền giáp đường tỉnh 954))
*	*	Đất ở nông thôn tại các chợ xã		
5	39	Bờ Nam, Bắc ngoài TDC Tân Trung: Từ đường tỉnh 951 - đường cồn ngoài	500	Sửa tên đường (Tên cũ: Bờ Nam, Bắc ngoài TDC Tân Trung: Từ giáp QL80B - đường cồn ngoài)
6	47	Đường Đông mương Trường học: Từ đường tỉnh 951 - cầu Trường A	313	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Đông mương Trường học (từ giáp QL80B - cầu Trường A))
7	49	Đường Tây mương Trường học: Từ đường tỉnh 951 - cầu Trường A	313	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Tây mương Trường học (từ giáp QL80B - cầu Trường A))
8	49	Các tuyến đường khác có độ rộng đường >=3m	300	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường ≥ 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
9	50	Các tuyến đường khác có độ rộng đường <3m	240	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường < 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
II	**BỔ SUNG**			

TT	Số TT PL68 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
1	18	Đường tỉnh 951: Từ ngã 4 bến xe huyện (cũ) - Cầu Chín Mi	2.000	
*	*	Đất ở nông thôn tại các chợ xã		
2	50	Các tuyến đường khác có độ rộng đường <3m	240	
		Đường Bờ kè Sông Tiền: rạch Cái Tắc - bến đò Tân Hưng	1.000	Bổ sung
		Ngã ba Lộ Sứ - Cầu Cái Đầm (đường tỉnh 954 cũ)	438	Bổ sung

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL68 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
I	**I**	**Khu vực: ấp Thượng 1, ấp Thượng 2, ấp Thượng 3, ấp Trung 1, ấp Trung 3, ấp Trung Thạnh, Mỹ Lương, Cái Tắc, Phú Hòa**		
1	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		Quốc lộ 80B (Cầu Cái Tắc - Mương Phèn (giáp ranh xã Phú An))	86	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lộ 80B (Cầu Cái Tắc - Mương Phèn (giáp ranh xã Phú An))),
		Đường tỉnh 951 (Đoạn từ An Hòa tự - cầu Chín Mi)	86	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường tỉnh 954 (Đoạn từ An Hòa tự - cầu Chín Mi)),
		Khu vực còn lại	48	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)),
2	2	Đất trồng cây lâu năm		
		Đường tỉnh 951 (Đoạn từ An Hòa tự - cầu Chín Mi)	132	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường tỉnh 954 (Đoạn từ An Hòa tự - cầu Chín Mi)),

TT	Số TT PL68 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
		Quốc lộ 80B (Cầu Cái Tắc - Mương Phèn (giáp xã Phú An))	99	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lộ 80B (Cầu Cái Tắc - Mương Phèn (giáp xã Phú An))),
		Đường huyện, lộ giao thông nông thôn, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông tiền)…	93	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường huyện, lộ giao thông nông thôn, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông tiền)…),
		Khu vực còn lại	60	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)),
II	**II**	**Khu vực: ấp Mỹ Hóa 1, ấp Mỹ Hóa 2, ấp Mỹ Hóa 3, Tân Thạnh, Trung Hòa, Trung 2, Vàm Nao, Hậu Giang 1, Hậu Giang 2, Hưng Tân, Hưng Thới 1, Hưng Thới 2, Hưng Mỹ, Hưng Hòa, Hưng Thạnh**		
1	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		Quốc lộ 80B	70	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lộ 80B),
		Đường tỉnh 951	70	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường tỉnh 954),

TT	Số TT PL68 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
		Đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Vàm Nao, sông Hậu)	70	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Vàm Nao, sông Hậu)),
		Khu vực còn lại	41	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)),
2	2	Đất trồng cây lâu năm		
		Quốc lộ 80B	81	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lộ 80B),
		Đường tỉnh 951	81	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường tỉnh 954),
		Đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Vàm Nao, sông Hậu)	81	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Vàm Nao, sông Hậu)),
		Khu vực còn lại	52	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)),